**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC**
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 53/2017/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 13 - 7 - 2017**
***V/v*: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà :* Ông Nguyễn Trọng Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Dũng

2. Bà Lê Thị Tâm

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa*** tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2017/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Anh Trịnh Văn T - Sinh năm: 1993

Trú quán: Xóm T, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa

**Bị đơn** : Chị Trịnh Thị N – Sinh năm 1992

Nơi cư trú cuối cùng: Xóm N, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2017, bản tự khai ngày 22/5/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác của anh Trịnh Văn T (nguyên đơn) giao nộp thể hiện nội dung vụ án như sau: Anh Trịnh Văn T kết hôn với chị Trịnh Thị N vào ngày 31/3/2014 trên cơ sự tự nguyện, đã được UBND xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống ngày 22/8/2014 chị Trịnh Thị N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Từ đó đến nay anh T không nhận được tin tức gì của chị Trịnh Thị N. Anh T, gia đình và Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc đã thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng trung ương nhưng kết quả không xác định được tin tức, nơi cư trú hiện tại của chị Trịnh Thị N ở đâu. Sau 04 tháng kể từ ngày đăng phát tin tìm kiếm lần đầu Tòa án đã ra quyết định tuyên bố chị Trịnh Thị N mất tích. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có nguyện vọng được ly hôn chị Trịnh Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh T chị N có 01 con chung tên là Trịnh Anh T. Khi ly hôn anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về hôn nhân**: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị N là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ: anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày31/3/2014.

Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống chị Trịnh Thị N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ ngày 22/8/2014 mà không thông báo gì cho anh T và gia đình biết. Anh T và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của chị Trịnh Thị N. Ngày 17/10/2016 anh Trịnh Văn T đã làm thủ tục để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh thanh Hóa tuyên bố chị Trịnh Thị N mất tích. Sau 04 tháng kể từ ngày đăng phát tin tìm kiếm lần đầu nhưng chị N vẫn không về. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định giải quyết việc dân sự số 09/2017/QDDS – ST ngày 27/3/2017 tuyên bố chị Trịnh Thị N mất tích. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N  không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị được ly hôn chị Trịnh Thị N.

Xét thấy: Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng giữa anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị N đã có nhiều rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy xử cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp với khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

**[2] Về con chung**: Anh Trịnh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về tài sản chung**: Trong quá trình sống chung các tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị N không có tài sản gì chung, đồng thời không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí**: Anh Trịnh Văn T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*:**

## QUYẾT ĐỊNH

**- Áp dụng:** Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**- Về hôn nhân:** Cho anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị N.

**- Về án phí:** Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/02641ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh Trịnh Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Trịnh Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Chị Trịnh Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận**
*- VKSND huyện Vĩnh Lộc;*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã Vĩnh Hùng;*
*- Lưu hồ sơ;*

**Nguyễn Trọng Hiền**